

**SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /QĐ-HĐTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Niêm yết và giao dịch hợp đồng tương lai

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1059/UBCK-PTTT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận các Quy chế nghiệp vụ của VNX;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐTV ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc thông qua nội dung dự thảo Quy chế Niêm yết và giao dịch hợp đồng tương lai;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Niêm yết và giao dịch hợp đồng tương lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Hệ thống công nghệ thông tin của gói thầu “Thiết kế, giải pháp, cung cấp lắp đặt và chuyển giao hệ thống công nghệ thông tin – Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh” chính thức

vận hành và thay thế Quyết định số 20/QĐ-HĐTV ngày 20/5/2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Điều 3. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN;
- VSDC;
- HĐTV, BĐH, BKS;
- Lưu: VT, GSTT (19b).

TM.HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Lương Hải Sinh

QUY CHẾ NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-HĐTV ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động niêm yết và giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của quy chế này là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, kinh doanh, tư vấn và cung cấp các dịch vụ liên quan đến hợp đồng tương lai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Ngoài các từ ngữ đã được giải thích trong Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 158/2020/NĐ-CP), Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là Thông tư số 58/2021/TT-BTC), các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Biên độ dao động giá là giới hạn dao động của giá hợp đồng tương lai quy định trong ngày giao dịch, tính theo tỷ lệ phần trăm (%) so với giá tham chiếu.
2. Hệ số chuyển đổi là tỷ lệ hoán đổi trái phiếu cơ sở sang trái phiếu chuyển giao tại mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu giả định của hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ tại ngày thanh toán cuối cùng của hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
3. Hệ số nhân hợp đồng tương lai là hệ số dùng để xác định quy mô hợp đồng tương lai.
4. Hệ thống giao dịch là hệ thống công nghệ thông tin dùng cho hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
5. Hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên là toàn bộ hoặc một phần hệ thống máy tính của thành viên kết nối với hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch

Chúng khoán Hà Nội để thực hiện giao dịch trực tuyến.

6. Kênh nhập lệnh khẩn cấp là kênh nhập lệnh để thành viên nhập lệnh vào hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong trường hợp hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên bị sự cố.

7. Giá giao dịch là mức giá của hợp đồng tương lai được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc hình thành từ kết quả giao dịch thỏa thuận.

8. Giao dịch trực tuyến là việc thành viên sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên kết nối với hệ thống giao dịch để thực hiện giao dịch hợp đồng tương lai theo các quy định hiện hành về giao dịch chứng khoán phái sinh.

9. Giá tham chiếu của hợp đồng tương lai là giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước.

10. Tham số close-out là tham số của lệnh giao dịch đối với tài khoản bị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hạn chế trạng thái giao dịch.

11. Ngày niêm yết là ngày Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội niêm yết một hợp đồng tương lai.

12. Phương thức thanh toán bằng chuyển giao tài sản cơ sở là phương thức thanh toán có sự chuyển giao trái phiếu của người bán cho người mua hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ để nhận lại một khoản tiền bằng giá trị thanh toán cuối cùng tại ngày thanh toán cuối cùng của hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

13. Phương thức thanh toán bằng tiền là phương thức thanh toán không chuyển giao tài sản cơ sở mà chỉ thanh toán phần chênh lệch bằng tiền do biến động giá hợp đồng tương lai tại ngày giao dịch cuối cùng của hợp đồng tương lai.

14. Quy mô hợp đồng tương lai là giá trị danh nghĩa bằng tiền của mỗi hợp đồng tương lai (đối với hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu); là số lượng hoặc giá trị tài sản cơ sở sẽ được chuyển giao hoặc thanh toán giữa các bên khi thực hiện hợp đồng tương lai (đối với hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ).

15. Thành viên gồm thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh và thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh.

16. Tháng đáo hạn là tháng mà hợp đồng tương lai đáo hạn và được tất toán.

17. Danh sách trái phiếu có thể chuyển giao là danh mục các trái phiếu chuyển giao do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công bố theo danh sách được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

18. Tiêu chuẩn trái phiếu chuyển giao là các điều kiện để lựa chọn trái phiếu vào danh sách trái phiếu có thể chuyển giao.

Chương II

NIÊM YẾT HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Điều 4. Nguyên tắc chung về niêm yết hợp đồng tương lai

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Mẫu hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu và Mẫu hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 58/2021/TT-BTC.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp mã giao dịch cho hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.

3. Khi một hợp đồng tương lai đáo hạn, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp mã giao dịch và niêm yết hợp đồng tương lai có thời gian đáo hạn mới vào ngày giao dịch kế tiếp ngày giao dịch cuối cùng của hợp đồng tương lai đáo hạn.

Điều 5. Nội dung mẫu hợp đồng tương lai

1. Nội dung mẫu hợp đồng tương lai do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP; khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 58/2021/TT-BTC, bao gồm các điều khoản sau:

- a) Tên hợp đồng tương lai.
- b) Mã giao dịch.
- c) Tài sản cơ sở.
- d) Quy mô hợp đồng tương lai.
- đ) Hệ số nhân hợp đồng tương lai.
- e) Ngày niêm yết.
- g) Phương thức giao dịch.
- h) Tháng đáo hạn.
- i) Thời gian giao dịch.
- k) Bước giá.
- l) Đơn vị yết giá.
- m) Giá tham chiếu.
- n) Biên độ dao động giá.
- o) Giới hạn lệnh.
- p) Giới hạn vị thế (theo Quy chế nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam).
- q) Ngày giao dịch cuối cùng.

- r) Ngày thanh toán cuối cùng.
- s) Phương thức thanh toán.
- t) Phương thức xác định giá thanh toán cuối ngày (theo Quy chế nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam).
- u) Phương thức xác định giá thanh toán cuối cùng (theo Quy chế nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam).
- v) Mức ký quỹ (theo Quy chế nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam).
- x) Tiêu chuẩn trái phiếu chuyển giao (đối với Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ).
- y) Các điều khoản khác.

2. Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung điều khoản trong mẫu hợp đồng tương lai do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thực hiện sau khi thống nhất với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 6. Mã giao dịch

1. Cấu trúc mã giao dịch bao gồm tối thiểu các thông tin sau:
 - a) Loại chứng khoán;
 - b) Nhóm chứng khoán phái sinh;
 - c) Tài sản cơ sở;
 - d) Thời gian đáo hạn;
 - đ) Thông tin bổ sung khác cho mã giao dịch;
2. Sở GDCK Hà Nội hướng dẫn chi tiết đối với mã giao dịch chứng khoán phái sinh.

Điều 7. Tài sản cơ sở

Tài sản cơ sở của hợp đồng tương lai quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 58/2021/TT-BTC.

Điều 8. Tháng đáo hạn

1. Tháng đáo hạn được quy định tại Mẫu hợp đồng tương lai.
2. Việc điều chỉnh tháng đáo hạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Điều 9. Quy mô hợp đồng và hệ số nhân hợp đồng tương lai

1. Quy mô hợp đồng của hợp đồng tương lai được xác định như sau:
 - a) Đối với hợp đồng tương lai chỉ số, quy mô hợp đồng tương lai chỉ số = (điểm chỉ số) $\times$ (hệ số nhân hợp đồng).

b) Đối với hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ, quy mô hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ = (mệnh giá trái phiếu Chính phủ cơ sở) $\times$ (hệ số nhân hợp đồng).

2. Việc thay đổi điều khoản về quy mô hợp đồng tương lai và hệ số nhân hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Điều 10. Hủy niêm yết

Việc hủy niêm yết đối với hợp đồng tương lai theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 15 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.

Chương III GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Điều 11. Quy tắc chung

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện các nghĩa vụ đối với hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.

2. Giao dịch hợp đồng tương lai được thực hiện qua thành viên. Việc nhận, chuyển và thực hiện lệnh, xác nhận kết quả giao dịch của thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 58/2021/TT-BTC và các quy chế có liên quan do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành.

3. Thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh thực hiện quyền, nghĩa vụ về giao dịch hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Ngày giao dịch đầu tiên

1. Ngày giao dịch đầu tiên của hợp đồng tương lai niêm yết lần đầu là ngày đầu tiên hợp đồng tương lai được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Ngày giao dịch đầu tiên của các hợp đồng tương lai niêm yết kế tiếp trên cùng tài sản cơ sở được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

Điều 13. Ngày thanh toán cuối cùng

Ngày thanh toán cuối cùng được quy định tại mẫu hợp đồng tương lai.

Điều 14. Thời gian giao dịch và kết cấu phiên giao dịch

1. Hợp đồng tương lai được giao dịch từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định trong Bộ Luật lao động. Căn cứ vào mỗi loại hợp đồng tương lai, các phiên giao dịch trong ngày có thể bao gồm:

- a) Phiên khớp lệnh định kỳ mở cửa.
- b) Phiên khớp lệnh liên tục.

c) Phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa.

2. Thời gian giao dịch cụ thể do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy định cụ thể sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công bố thông tin về thời gian giao dịch cụ thể theo thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và tổ chức thực hiện.

Điều 15. Biên độ dao động giá

1. Biên độ dao động giá được quy định trong mẫu hợp đồng tương lai.

2. Việc thay đổi biên độ dao động giá, bao gồm các trường hợp áp dụng cho thay đổi biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên, biên độ dao động giá trong ngày giao dịch cuối cùng, biên độ dao động giá đối với hợp đồng đáo hạn tháng gần nhất thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Điều 16. Giới hạn dao động giá

1. Giới hạn dao động giá đối với hợp đồng tương lai được xác định như sau:

Giá trần = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu × Biên độ dao động giá).

Giá sàn = Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu × Biên độ dao động giá).

2. Trường hợp sau khi tính toán, giá trần và giá sàn bằng giá tham chiếu, giới hạn dao động giá được xác định lại như sau:

Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá.

Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu - 01 đơn vị yết giá.

3. Trường hợp giá tham chiếu bằng 01 đơn vị yết giá, giới hạn dao động giá được xác định lại như sau:

Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá.

Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu.

Điều 17. Giới hạn lệnh

1. Giới hạn lệnh được quy định tại Mẫu hợp đồng tương lai.

2. Việc điều chỉnh giới hạn lệnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Điều 18. Giới hạn vị thế

1. Giới hạn vị thế được quy định tại mẫu hợp đồng tương lai.

2. Việc điều chỉnh giới hạn vị thế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Điều 19. Phương thức giao dịch

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức giao dịch cho các loại hợp đồng tương lai niêm yết theo các phương thức giao dịch sau:

a) Phương thức khớp lệnh bao gồm khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục.

- Phương thức khớp lệnh định kỳ là phương thức giao dịch được hệ thống giao dịch thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán hợp đồng tương lai tại một thời điểm xác định.

- Phương thức khớp lệnh liên tục là phương thức giao dịch được hệ thống giao dịch thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán hợp đồng tương lai ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch.

b) Phương thức thỏa thuận là phương thức giao dịch trong đó các điều kiện giao dịch được các bên tham gia thỏa thuận với nhau và xác nhận thông qua hệ thống giao dịch.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam có thể thay đổi phương thức giao dịch đối với từng loại hợp đồng tương lai sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và thông báo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện.

Điều 20. Nguyên tắc khớp lệnh

Hệ thống giao dịch chứng khoán phải sinh thực hiện so khớp các lệnh mua và lệnh bán hợp đồng tương lai theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên về giá và thời gian, cụ thể như sau:

1. Ưu tiên về giá:

a) Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.

b) Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

2. Ưu tiên về thời gian: Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

Điều 21. Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh

1. Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh định kỳ:

a) Giá khớp lệnh định kỳ là mức giá giao dịch mà tại đó khối lượng giao dịch đạt lớn nhất và tất cả các lệnh mua có mức giá cao hơn, lệnh bán có mức giá thấp hơn giá được chọn phải được thực hiện hết.

b) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm a khoản này, mức giá được lựa chọn thực hiện là mức giá tại đó các lệnh của một bên phải được thực hiện hết, các lệnh của bên đối ứng phải được thực hiện hết hoặc một phần.

c) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm b khoản này, mức giá được chọn là mức giá trùng hoặc gần với mức giá giao dịch gần nhất theo phương thức khớp lệnh.

d) Trường hợp không có mức giá nào thỏa mãn điểm b khoản này, mức giá được chọn là mức giá thỏa mãn điểm a khoản này và trùng hoặc gần với giá giao dịch gần nhất theo phương thức khớp lệnh.

2. Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh liên tục: giá giao dịch là giá của lệnh

đôi ứng đang chờ trên sổ lệnh.

Điều 22. Lệnh giao dịch

1. Lệnh giới hạn (LO)

a) Lệnh LO là lệnh mua hoặc bán hợp đồng tương lai tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn. Mức giá tốt hơn là mức giá cao hơn mức giá xác định đối với lệnh bán và mức giá thấp hơn mức giá xác định đối với lệnh mua.

b) Lệnh LO được nhập vào hệ thống giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Lệnh LO được phép nhập vào hệ thống giao dịch trong đợt khớp lệnh liên tục và đợt khớp lệnh định kỳ.

- Lệnh LO có hiệu lực kể từ khi nhập vào hệ thống giao dịch cho đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

2. Lệnh thị trường

a) Lệnh thị trường là lệnh mua hợp đồng tương lai tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán hợp đồng tương lai tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường.

b) Lệnh thị trường chỉ được nhập vào hệ thống giao dịch trong đợt khớp lệnh liên tục.

c) Lệnh thị trường sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng. Khi có lệnh đối ứng, lệnh thị trường được thực hiện theo quy định đối với từng loại lệnh thị trường tại điểm d khoản này.

d) Các loại lệnh thị trường:

- Lệnh thị trường giới hạn (ký hiệu lệnh MTL) là lệnh nếu không được thực hiện toàn bộ:

(i) Đối với lệnh đặt mua MTL: phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh đặt mua LO với mức giá cao hơn mức giá khớp lệnh cuối cùng một đơn vị yết giá hoặc mức giá trần nếu mức giá khớp lệnh cuối cùng là giá trần;

(ii) Đối với lệnh đặt bán MTL: phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh bán LO với mức giá thấp hơn mức giá khớp cuối cùng một đơn vị yết giá hoặc mức giá sàn nếu mức giá khớp lệnh cuối cùng là giá sàn.

(iii) Lệnh MTL được chuyển thành lệnh LO phải tuân thủ các quy định về sửa, hủy đối với lệnh LO.

- Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (MOK) là lệnh thị trường nếu không được thực hiện toàn bộ thì bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập.

- Lệnh thị trường khớp và hủy (MAK) là lệnh thị trường có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần, phần còn lại (nếu có) của lệnh sẽ bị hủy ngay sau khi khớp lệnh.

3. Lệnh giao dịch tại mức giá mở cửa (ATO)

a) Lệnh ATO là lệnh đặt mua hoặc đặt bán hợp đồng tương lai tại mức giá

mở cửa.

b) Khối lượng của lệnh ATO bên mua (hoặc bên bán) được cộng vào khối lượng của bên mua (hoặc bên bán) tại mỗi mức giá để xác định khối lượng giao dịch tại mỗi mức giá trong khi so khớp lệnh định kỳ.

c) Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi phân bổ lệnh khớp ngoài trừ trường hợp lệnh đặt bán LO giá sàn hoặc lệnh đặt mua LO giá trần được đặt trước lệnh ATO về thời gian.

d) Nếu trong phiên khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa chỉ có lệnh ATO ở hai bên sổ lệnh thì giá khớp lệnh được xác định như sau:

- Bảng giá tham chiếu nếu tổng khối lượng lệnh mua bằng tổng khối lượng lệnh bán.

- Bảng giá tham chiếu cộng một (01) đơn vị yết giá nếu tổng khối lượng mua lớn hơn tổng khối lượng bán.

- Bảng giá tham chiếu trừ một (01) đơn vị yết giá nếu tổng khối lượng mua nhỏ hơn tổng khối lượng bán.

đ) Lệnh ATO chỉ được nhập vào hệ thống trong đợt khớp lệnh định kỳ mở cửa. Sau thời điểm khớp lệnh của phiên, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ hết hiệu lực.

4. Lệnh giao dịch tại mức giá đóng cửa (ATC)

a) Lệnh ATC là lệnh đặt mua hoặc đặt bán hợp đồng tương lai tại mức giá đóng cửa.

b) Khối lượng của lệnh ATC bên mua (hoặc bên bán) được cộng vào khối lượng của bên mua (hoặc bên bán) tại mỗi mức giá để xác định khối lượng giao dịch tại mỗi mức giá trong khi so khớp lệnh định kỳ.

c) Lệnh ATC được ưu tiên trước LO trong khi phân bổ lệnh khớp ngoài trừ trường hợp lệnh đặt bán LO giá sàn hoặc lệnh đặt mua LO giá trần được đặt trước lệnh ATC về thời gian.

d) Nếu trong phiên khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa chỉ có lệnh ATC ở hai bên sổ lệnh thì giá khớp lệnh được xác định như sau:

- Bảng giá giao dịch gần nhất nếu tổng khối lượng lệnh mua bằng tổng khối lượng lệnh bán.

- Bảng giá giao dịch gần nhất cộng một (01) đơn vị yết giá nếu tổng khối lượng mua lớn hơn tổng khối lượng bán.

- Bảng giá giao dịch gần nhất trừ một (01) đơn vị yết giá nếu tổng khối lượng mua nhỏ hơn tổng khối lượng bán.

đ) Lệnh ATC chỉ được nhập vào hệ thống trong đợt khớp lệnh định kỳ đóng cửa. Sau thời điểm khớp lệnh, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ hết hiệu lực.

5. Các loại lệnh giao dịch khác do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy định cụ thể sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 23. Nội dung lệnh đặt của thành viên giao dịch chứng khoán phải sinh gửi vào hệ thống giao dịch

Thành viên giao dịch chứng khoán phải sinh gửi lệnh giao dịch chứng khoán phải sinh vào hệ thống giao dịch phải có tối thiểu các nội dung sau:

1. Số hiệu lệnh.
2. Mã thành viên giao dịch chứng khoán phải sinh.
3. Mã giao dịch của hợp đồng tương lai.
4. Thông tin khách hàng: nhà đầu tư nước ngoài/trong nước; loại nhà đầu tư (cá nhân/tổ chức), loại tài khoản (tự doanh/môi giới), số tài khoản nhà đầu tư.
5. Lệnh: mua, bán, hủy, sửa.
6. Loại lệnh.
7. Khối lượng.
8. Giá đặt lệnh (trong trường hợp đặt lệnh giới hạn).
9. Tham số close-out (nếu có).

Điều 24. Sửa, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh

1. Việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.

2. Lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được xác định như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng.
- b) Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng hoặc sửa giá.
3. Không được phép đồng thời sửa giá và khối lượng lệnh giao dịch.
4. Không được phép sửa, hủy lệnh trong toàn bộ phiên khớp lệnh định kỳ.

Điều 25. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch khớp lệnh

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội xác nhận kết quả khớp lệnh với các nội dung sau:

1. Số hiệu lệnh.
2. Số hiệu xác nhận giao dịch.
3. Mã giao dịch của hợp đồng tương lai.
4. Mã thành viên giao dịch chứng khoán phải sinh.
5. Số tài khoản nhà đầu tư.

6. Số lượng hợp đồng tương lai khớp lệnh giao dịch.
7. Giá khớp lệnh.
8. Thời gian giao dịch thực hiện.

Điều 26. Nguyên tắc giao dịch thỏa thuận

1. Lệnh giao dịch thỏa thuận chứng khoán phái sinh chỉ được phép nhập vào hệ thống giao dịch sau khi các điều kiện giao dịch được các bên giao dịch thỏa thuận với nhau.

2. Sau khi các bên giao dịch đã thỏa thuận được các điều kiện giao dịch, thành viên giao dịch thực hiện các thao tác để nhập và xác nhận các điều kiện giao dịch đã thỏa thuận vào hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 27. Lệnh giao dịch thỏa thuận

Lệnh giao dịch thỏa thuận phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

1. Số hiệu lệnh.
2. Mã giao dịch của hợp đồng tương lai.
3. Thông tin khách hàng: nhà đầu tư nước ngoài/trong nước; loại nhà đầu tư (cá nhân/tổ chức), loại tài khoản (tự doanh/môi giới).
4. Mã thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh bên mua.
5. Mã thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh bên bán.
6. Giá giao dịch.
7. Khối lượng.
8. Tài khoản nhà đầu tư mua.
9. Tài khoản nhà đầu tư bán.
10. Tham số close-out (nếu có).

Điều 28. Sửa, hủy lệnh giao dịch thỏa thuận

1. Giao dịch thỏa thuận đã được xác lập trên hệ thống giao dịch (có sự tham gia xác nhận của hai bên giao dịch) không được phép sửa hoặc hủy bỏ.

2. Trong thời gian giao dịch, thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh được phép sửa, hủy lệnh giao dịch thỏa thuận khi lệnh chưa được bên đối tác xác nhận.

Điều 29. Xác định giá thanh toán cuối ngày và giá thanh toán cuối cùng

Giá thanh toán cuối ngày và giá thanh toán cuối cùng của hợp đồng tương lai được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tính toán theo phương thức tại Quy chế nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Điều 30. Phương thức thanh toán

1. Phương thức thanh toán được quy định tại Mẫu hợp đồng tương lai.
2. Trường hợp hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ sử dụng phương thức thanh toán chuyển giao tài sản cơ sở thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 58/2021/TT-BTC, trong đó:
 - a) Tiêu chuẩn trái phiếu chuyển giao được Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thống nhất với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và quy định tại Mẫu hợp đồng tương lai.
 - b) Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cập nhật thông tin về danh sách trái phiếu chuyển giao trên phương tiện công bố thông tin điện tử (website) sau khi nhận được danh sách trái phiếu chuyển giao do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp. Hệ số chuyển đổi của các mã trái phiếu có thể chuyển giao theo công thức do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam quy định.
3. Trường hợp hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 58/2021/TT-BTC.
4. Việc thay đổi phương thức thanh toán thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Điều 31. Tạm ngừng, khôi phục giao dịch chứng khoán phái sinh

1. Việc tạm ngừng và khôi phục giao dịch chứng khoán phái sinh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.
2. Trường hợp cần thiết, khi tạm ngừng, khôi phục giao dịch chứng khoán phái sinh trong thời gian giao dịch, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có thể điều chỉnh thời gian của tiến trình giao dịch phiên còn lại của ngày giao dịch phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 17 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.
3. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hướng dẫn chi tiết trình tự, tham số áp dụng khi tạm ngừng, khôi phục giao dịch trong thời gian giao dịch phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 17 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.

Điều 32. Giao dịch hợp đồng tương lai của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư thực hiện giao dịch hợp đồng tương lai theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP; Điều 5, Điều 6 Thông tư số 58/2021/TT-BTC và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện giao dịch hợp đồng tương lai theo quy định tại Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 33. Hoạt động tạo lập thị trường

Hoạt động tạo lập thị trường thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Điều 34. Các biện pháp ổn định thị trường

Các biện pháp ổn định thị trường được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP.

Điều 35. Ngày giao dịch cuối cùng

1. Ngày giao dịch cuối cùng được quy định tại Mẫu hợp đồng tương lai.
2. Việc thay đổi ngày giao dịch cuối cùng thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Điều 36. Giao dịch của tài khoản bị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hạn chế giao dịch

1. Hệ thống giao dịch cập nhật danh sách các tài khoản bị hạn chế giao dịch từ hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
2. Đối với các tài khoản nằm trong danh sách bị hạn chế giao dịch nêu tại khoản 1 điều này, hệ thống giao dịch xử lý như sau:
 - a) Cho phép hủy lệnh với những lệnh chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.
 - b) Chỉ nhận lệnh mới có tham số close-out.
3. Thành viên có trách nhiệm tuân thủ quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam khi gửi lệnh có tham số close-out của nhà đầu tư.

Điều 37. Xử lý vi phạm

1. Các vi phạm đối với Quy chế này của thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh bị xử lý theo quy định tại Quy chế thành viên do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành.
2. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xử lý theo quy định đối với các vi phạm quy định pháp luật của nhà đầu tư và các đối tượng khác có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Điều khoản thi hành

1. Các đơn vị có liên quan thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Các nội dung phối hợp giữa Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán

Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2020/NĐ-CP và Thông tư số 58/2021/TT-BTC.

3. Khi đưa hệ thống giao dịch mới vào vận hành, các sản phẩm phái sinh hiện có sẽ được chuyển đổi có lộ trình sang mã giao dịch mới theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

a) Đối với sản phẩm đang niêm yết: giữ nguyên mã giao dịch đã niêm yết trước thời điểm vận hành hệ thống mới; áp dụng quy định tại Điều 6 Quy chế này đối với các mã giao dịch niêm yết sau thời điểm vận hành hệ thống mới.

b) Đối với các sản phẩm niêm yết sau thời điểm vận hành hệ thống mới: áp dụng quy định tại Điều 6 Quy chế này.

4. Trường hợp văn bản pháp luật được ban hành sau khi Quy chế này có hiệu lực và có quy định khác với nội dung quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo văn bản pháp luật đó cho đến khi Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Quy chế thay thế.

5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận./.

TM HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Lương Hải Sinh